

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi,
bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Đường bộ
áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1503/QĐ-BGTVT ngày 09 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 125/TTr-SGTVT ngày 26 tháng 12 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Đường bộ áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum (Có Danh mục các thủ tục hành chính kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 và sửa đổi thủ tục hành chính số 3 Mục I.2; thủ tục hành chính số: 1, 2, 3, 4, 5, 6 Mục II.1; bãi bỏ các thủ tục hành chính số: 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16 Mục II.1 Danh mục thủ tục

hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 314/QĐ-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Đăng kiểm và lĩnh vực Đường bộ thuộc phạm vi, chức năng quản lý của ngành Giao thông vận tải tỉnh Kon Tum.

2. Giám đốc Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính để thực hiện theo đúng quy định. Chỉ đạo thực hiện việc công khai dữ liệu thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu Quốc gia về thủ tục hành chính theo hướng dẫn tại Công văn số 143/UBND-TTHCC ngày 17 tháng 01 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Giao thông vận tải; Thủ trưởng các sở, ban ngành; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và các cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.//

Nơi nhận:

- Như điều 3 (t/h);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh (đ/b);
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP (để b/cáo);
- Sở Giao thông vận tải;
- Viễn Thông Kon Tum (để phối hợp);
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + Chánh Văn phòng, các Phó Chánh Văn phòng;
 - + Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
 - + Phòng Hạ tầng kỹ thuật;
- Lưu: VT, TTHCC.LTLH.

CHỦ TỊCH



Lê Ngọc Tuấn

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG;
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 774 /QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (Sửa đổi theo Thông tư số 35/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

ST T	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện		
							Trực tiếp	Trực tuyến	Bưu chính công ích ⁽¹⁾
1	1.002835. 000.00.00 .H34	Cấp mới Giấy phép lái xe	10 ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ sát hạch	Trung tâm Phục vụ hành chính công	- Đối với thi sát hạch lái xe các hạng xe A1, A, A3, A4: + Sát hạch lý thuyết: 60.000 đồng/lần; + Sát hạch thực hành: 70.000 đồng/lần ⁽²⁾ . - Đối với thi sát hạch lái xe ô tô (hạng xe B1, B2, C, D, E, F): + Sát hạch lý thuyết: 100.000 đồng/lần; + Sát hạch thực hành trong hình: 350.000 đồng/lần;	- Thông tư số 35/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải. - Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	x		x

⁽¹⁾ Việc trả kết quả Giấy phép lái xe, Giấy chứng nhận được thực hiện tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc thông qua dịch vụ bưu chính theo yêu cầu của cá nhân.

⁽²⁾ Quyết định 1503/QĐ-BGTVT công bố phí, lệ phí trường hợp sát hạch thực hành là 60.000 đồng/ lần đối với TTHC. Tuy nhiên qua rà soát theo quy định biểu mức thu phí sát hạch lái xe kèm theo Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính là **70.000 đồng/lần**. Bộ Giao thông vận tải công khai trên CSDL quốc gia 70.000 đồng/lần.

					+ Sát hạch thực hành trên đường giao thông: 80.000 đồng/lần; + Sát hạch lái xe ô tô bằng phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông: 100.000 đồng/lần. - Lệ phí cấp giấy phép lái xe: 135.000 đồng/lần. - Trường hợp tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến: Kể từ ngày 01/12/2023 đến hết ngày 31/12/2025, áp dụng mức thu lệ phí là 115.000 đồng/lần cấp.				
2	1.002820.000.00.00.H34	Cấp lại Giấy phép lái xe	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	- Lệ phí cấp giấy phép lái xe: 135.000 đồng/lần. - Trường hợp tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến: Kể từ ngày 01/12/2023 đến hết ngày 31/12/2025, áp dụng mức thu lệ phí là 115.000 đồng/lần cấp.	- Thông tư số 35/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày	x	x	x

						16/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.			
3	1.002809.000.00.00.H34	Đổi Giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Lệ phí cấp giấy phép lái xe: 135.000 đồng/lần. Trường hợp tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến: Kể từ ngày 01/12/2023 đến hết ngày 31/12/2025, áp dụng mức thu lệ phí là 115.000 đồng/lần cấp.	- Thông tư số 35/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	x	x	x
4	1.002804.000.00.00.H34	Đổi giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp sang giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Lệ phí cấp giấy phép lái xe: 135.000 đồng/lần.	- Thông tư số 35/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	x		x
5	1.002801.000.00.00.H34	Đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp sang giấy phép lái xe do ngành	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính	Lệ phí cấp giấy phép lái xe: 135.000 đồng/lần.	- Thông tư số 35/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;	x		x

		Giao thông vận tải cấp		công		- Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.			
6	1.002796.000.00.00.H34	Đổi giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài sang giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Lệ phí cấp giấy phép lái xe: 135.000 đồng/lần.	- Thông tư số 35/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	x		x
7	2.000769.H34	Cấp lại Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Theo quy định tại Thông tư liên tịch số 72/2011/TTLT-BTC-BGTVT ngày 27/5/2011 của Bộ Tài chính - Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đào tạo lái xe cơ giới đường bộ	- Thông tư số 35/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư liên tịch số 72/2011/TTLT-BTC-BGTVT ngày 27/5/2011 của Bộ Tài chính - Bộ Giao thông vận tải.	x		x

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

Số TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung bãi bỏ TTHC
1	1.002793.000.00.00.H34	Đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp cho khách du lịch nước ngoài lái xe vào Việt Nam	Thông tư số 35/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải

2	1.002030.000. 00.00.H34	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng lần đầu	Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ ngày 27/6/2024
3	2.000872.000. 00.00.H34	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có thời hạn	
4	1.001919.000. 00.00.H34	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng	
5	1.001896.000. 00.00.H34	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng	
6	2.000847.000. 00.00.H34	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng bị mất	
7	2.000881.000. 00.00.H34	Sang tên chủ sở hữu xe máy chuyên dùng trong cùng một tỉnh, thành phố	
8	1.002007.000. 00.00.H34	Di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng ở khác tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	
9	1.001994.000. 00.00.H34	Đăng ký xe máy chuyên dùng từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác chuyển đến	
10	1.001826.000. 00.00.H34	Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng	

Tổng cộng: 17 thủ tục hành chính cấp tỉnh (Trong đó: 07 TTHC sửa đổi, bổ sung; 10 TTHC bị bãi bỏ).